# sở GDĐT Lai Châu

**⇒ Mã đề: 152**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41B** | **42B** | **43A** | **44A** | **45C** | **46C** | **47A** | **48A** | **49D** | **50D** |
| **51A** | **52B** | **53C** | **54D** | **55D** | **56B** | **57C** | **58B** | **59A** | **60D** |
| **61B** | **62C** | **63C** | **64C** | **65A** | **66C** | **67A** | **68B** | **69C** | **70A** |
| **71C** | **72A** | **73B** | **74D** | **75C** | **76D** | **77D** | **78D** | **79A** | **80D** |

**Câu 41:** Oxit nào sau đây có tính lưỡng tính

A. Al2(SO4)3.       B. Al2O3.       C. Fe2O3.       D. Al(OH)3.

**Câu 42:** Chất nào sau đây thuộc loại đisaccarit?

A. Xenlulozơ.       B. Saccarozơ.       C. Fructozơ.       D. Glucozơ.

**Câu 43:** Dung dịch metylamin trong nước làm

A. quỳ tím hóa xanh.       B. phenolphtalein hoá xanh.

C. phenolphtalein không đổi màu.       D. quỳ tím không đổi màu.

**Câu 44:** Tính chất nào sau đây là tính chất vật lí chung của kim loại?

A. Tính dẫn điện.       B. Nhiệt độ nóng chảy.

C. Khối lượng riêng.       D. Tính cứng.

**Câu 45:** Trong tự nhiên khí sinh ra nhờ quá trình quang hợp của cây xanh là

A. CO2.       B. CO.       C. O2.       D. N2.

**Câu 46:** Chất nào dưới đây không phân li ra ion khi hòa tan trong nước?

A. Ba(OH)2.       B. HCl.        C. C6H12O6 (glucozơ).       D. MgCl2.

**Câu 47:** Trong hợp chất, kim loại kiềm có số oxi hóa là

A. +1.       B. +4.       C. +2.       D. +3.

**Câu 48:** Vinyl axetat có công thức là

A. CH3COOCH=CH2.       B. HCOOC2H5.       C. C2H5COOCH3.       D. CH3COOCH3.

**Câu 49:** Các kim loại kiềm như Na, K chỉ được điều chế bằng phương pháp nào?

A. Thủy luyện.       B. Điện phân dung dịch.

C. Nhiệt luyện.       D. Điện phân nóng chảy.

**Câu 50:** Sắt có số oxi hóa +3 trong hợp chất nào dưới đây?

A. FeSO4.       B. Fe(NO3)2.       C. FeO.       D. Fe(OH)3.

**Câu 51:** Trong tự nhiên, khí hidro sunfua thường có trong khí núi lửa hoặc sinh ra từ các chất protein bị thối rữa trong quá trình phân hủy của một số loại chất hữu cơ. Công thức của khí hidro sunfua là

A. H2S.       B. SO3.       C. SO2.       D. CO2.

**Câu 52:** Chất nào sau đây là chất hữu cơ?

A. CO.       B. CH3COOH.       C. CO2.       D. Na2CO3.

**Câu 53:** Kim loại nào sau đây không tác dụng với H2SO4 đặc, nóng?

A. Fe.       B. Cu.       C. Au.       D. Al.

**Câu 54:** Tơ nào sau đây thuộc loại tơ tổng hợp?

A. Tơ visco.       B. Tơ tằm.       C. Tơ xenlulozơ.       D. Tơ nilon-6,6.

**Câu 55:** Cho m gam Mg tác dụng với dung dịch HCl dư thu được 4,48 lít H2 (đkc). Giá trị của m là

A. 7,2.       B. 2,4.       C. 3,6.       D. 4,8.

**Câu 56:** Trong các chất: CH3NH2, C2H5NH2, (CH3)2NH, C6H5NH2. Chất có tính bazơ mạnh nhất là

A. CH3NH2.       B. (CH3)2NH.       C. C6H5NH2.       D. C2H5NH2.

**Câu 57:** Đốt cháy hoàn toàn 7,4 gam CH3COOCH3 thu được V lít CO2 (đktc). Giá trị của V là

A. 2,24.       B. 8,96.       C. 6,72.       D. 4,48.

**Câu 58:** Hỗn hợp nào sau đây tan được trong nước dư ở điều kiện thường

A. Be và Ba.       B. Ba và Na.       C. Be và Na.       D. Ba và Mg.

**Câu 59:**Trường hợp nào sau đây kim loại bị ăn mòn điện hóa?

A. Thép cacbon để trong không khí ẩm.

B. Kim loại Cu trong dung dịch HNO3.

C. Kim loại Zn trong dung dịch HCl.

D. Đốt dây sắt trong khí oxi.

**Câu 60:** Số đồng phân amino axit của chất có công thức phân tử C4H9O2N là

A. 3.       B. 2.       C. 4.       D. 5.

**Câu 61:** Fe(NO3)2 thể hiện tính oxi hóa khi tác dụng với chất nào sau đây?

A. NaOH.       B. Mg.       C. HNO3 đặc, nóng.       D. H2SO4 loãng.

**Câu 62:** Dẫn 8,96 lít khí CO2 (đktc) vào dung dịch Ca(OH)2 dư. Phản ứng kết thúc thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 25.       B. 20.       C. 40.       D. 30.

**Câu 63:** Đun nóng dung dịch chứa 36 gam glucozơ với dung dịch AgNO3/NH3 dư thì khối lượng Ag thu được là (biết hiệu suất phản ứng đạt 75%)

A. 21,6.       B. 43,2.       C. 32,4.       D. 19,8.

**Câu 64:** Cho sơ đồ phản ứng: KHCO3 + X → K2CO3 + H2O. X là hợp chất

A. HCl.       B. NaOH.       C. KOH.       D. K2CO3.

**Câu 65:** Số nguyên tử Oxi có trong Ala-Gly-Val-Glu là

A. 7.       B. 6.       C. 5.       D. 8.

**Câu 66:** Hòa tan 13,4 gam hỗn hợp gồm MgO và Al trong dung dịch H2SO4 loãng, dư thu được 6,72 lít H2 (đktc) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là:

A. 67,3.       B. 45,7.       C. 58,2.       D. 26,7.

**Câu 67:** Cho các dung dịch sau: saccarozơ, glucozơ, axit axetic, glixerol, metanol, etilen glicol. Số lượng dung dịch có thể hoà tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường là

A. 5.       B. 3.       C. 6.       D. 4.

**Câu 68:** Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mẫu thử | Thuốc thử | Hiện tượng |
| T | Quỳ tím | Quỳ tím chuyển màu xanh |
| Y | Dung dịch AgNO3 trong NH3 đun nóng | Kết tủa Ag trắng sáng |
| X, Y | Cu(OH)2 | Dung dịch xanh lam |
| Z | Nước brom | Kết tủa trắng |

X, Y, Z, T lần lượt là

A. Saccarozơ, anilin, glucozơ, etylamin.       B. Saccarozơ, glucozơ, anilin, etylamin.

C. Anilin, etylamin, saccarozơ, glucozơ.       D. Etylamin, glucozơ, saccarozơ, anilin.

**Câu 69:** Hòa tan Fe3O4 vào dung dịch H2SO4 loãng dư, thu được dung dịch X. Phát biểu nào sau đây sai?

A. Dung dịch X tác dụng được với dung dịch AgNO3.

B. Cho NaOH dư vào dung dịch X, thu kết tủa.

C. Dung dịch X không thể hoà tan Cu.

D. Dung dịch X làm mất màu thuốc tím.

**Câu 70:** Các polime thuộc loại tơ nhân tạo là

A. tơ visco và tơ xenlulozơ axetat.       B. tơ tằm và tơ nilon-6.

C. tơ nilon-6,6 và tơ capron.       D. tơ visco và tơ nilon-6,6.

**Câu 71:** Thuỷ phân este E trong môi trường axit thu được cả hai sản phẩm đều có khả năng tham gia phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo thu gọn của este E là

A. CH3COOCH=CH2.       B. CH2=CHCOOCH3.

C. HCOOCH=CHCH3.       D. HCOOC(CH3)=CH2.

**Câu 72:** Phát biểu nào sau đây sai?

A. Cao su lưu hóa có cấu trúc mạch không phân nhánh.

B. Tơ nilon-6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.

C. PVC được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.

D. Sợi bông, tơ tằm đều thuộc loại tơ thiên nhiên.

**Câu 73:** Cho các phát biểu sau:
(a) Chất béo được gọi chung là triglixerit hay triaxylglixerol.
(b) Chất béo nhẹ hơn nước, không tan trong nước nhưng tan nhiều trong các dung môi hữu cơ như: benzen, xăng, ete,…
(c) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.
(d) Tristearin, triolein có công thức lần lượt là: (C17H33COO)3C3H5, (C17H35COO)3C3H5
(e) Muối phenylamoni clorua không tan trong nước.
(f) Ở điều kiện thường, etylamin và propylamin là những chất khí có mùi khai.
Số phát biểu đúng là

A. 2.       B. 3.       C. 4.       D. 5.

**Câu 74:** Nung nóng a mol hỗn hợp X gồm [C2H6 (0,05 mol), C2H2, C4H2 (mạch hở) và H2] với xúc tác Ni trong bình kín (chỉ xảy ra phản ứng cộng H2), sau một thời gian thu được hỗn hợp khí Y có tỉ khối so với X là 1,4. Biết Y phản ứng tối đa với 0,08 mol brom trong dung dịch. Mặt khác, đốt cháy hết a mol X trên thu được H2O và 9,68 gam CO2. Giá trị của a là:

A. 0,15.       B. 0,16.       C. 0,12.       D. 0,14.

**Câu 75:** Hấp thụ hết 0,1 mol CO2 vào dung dịch chứa 0,08 mol NaOH và 0,1 mol Na2CO3, thu được dung dịch X. Nhỏ từ từ dung dịch HCl vào dung dịch X đến khi thoát ra 0,08 mol khí CO2 thì thấy hết x mol HCl. Giá trị x là

A. 0,18.       B. 0,15.       C. 0.16.       D. 0,17.

**Câu 76:** Điện phân dung dịch X gồm CuSO4 0,10M và NaCl x mol/l với điện cực trơ, có màng ngăn, cường độ dòng điện không đổi, sau thời gian t giây thu được V lít một khí duy nhất. Nếu thời gian điện phân là 1,6t giây thì thu được hai khí có tổng thể tích là 2V lít. Còn nếu tiến hành điện phân trong 3,2t giây thì thu được các khí có tổng thể tích là 4,8V lít. Biết hiệu suất phản ứng của quá trình điện phân là 100%. Giá trị của x là

A. 0,20.       B. 0,10.       C. 0,05.       D. 0,40.

**Câu 77:** Hòa tan hết 23,76 gam hỗn hợp X gồm FeCl2, Cu, Fe(NO3)2 vào 400ml dung dịch HCl 1M thu được dung dịch Y. Cho từ từ dung dịch chứa AgNO3 1M vào Y đến các phản ứng xảy ra hoàn toán thấy đã dùng 580ml, kết thúc thu được m gam kết tủa và thoát ra 0,448 lít khí ở đktc. Biết NO là sán phẩm khử duy nhất của N+5 trong cả quá trình. Giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau

A. 80.       B. 86.       C. 84.       D. 82.

**Câu 78:** Cho X, Y là hai axit cacboxylic đơn chức, mạch hở, phân tử đều có chứa hai liên kết π Z là ancol hai chức có cùng số nguyên tử cacbon với X; T là este tạo bởi X, Y và Z. Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp E gồm X, Y, Z và T cần vừa đủ 28,56 lít O2 (đktc), thu được 45,1 gam CO2 và 19,8 gam H2O. Mặt khác, m gam E tác dụng với tối đa 16 gam Br2 trong dung dịch. Nếu cho m gam E tác dụng hết với dung dịch NaOH (dư, đun nóng) thì thu được bao nhiêu gam muối?

A. 11,0 gam.       B. 12,9 gam.       C. 25,3 gam.       D. 10,1 gam.

**Câu 79:** Tiến hành các thí nghiệm sau:
(a) Cho Mg vào lượng dư dung dịch FeCl3.
(b) Cho Ba vào dung dịch CuSO4.
(c) Cho Zn vào dung dịch CuSO4
(d) Nung nóng hỗn hợp Al và Fe2O3 (không có không khí) đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn.
(e) Nhỏ từ từ cho đến dư dung dịch NaOH vào dung dịch FeCl3.
(g) Cho dung dịch Fe(NO3)2 vào dung dịch AgNO3.
Số thí nghiệm thu được kim loại là

A. 3.       B. 2.       C. 5.       D. 4.

**Câu 80:** Xà phòng hóa hoàn toàn m gam hỗn hợp E gồm các triglixerit bằng dung dịch NaOH, thu được glixerol và hỗn hợp X gồm ba muối C17HxCOONa, C15H31COONa, C17HyCOONa với tỉ lệ mol tương ứng là 1 : 2 : 3. Mặt khác, hiđro hóa hoàn toàn m gam E thu được 51,72 gam hỗn hợp Y. Nếu đốt cháy hoàn toàn m gam E cần vừa đủ 4,575 mol O2. Giá trị của m là

A. 50,32.       B. 51,12.       C. 51,60.         D. 51,18.